

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 468/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-12-2021

V/v ly hôn giữa chị L và anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Kim Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Liên

Ông Trần Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 398/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; Đăng ký hộ khẩu thường trú: số B, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: số M đường T, phường N, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Khánh D, sinh năm 1965; Nơi cư trú: số B, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

(Chị L có mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa **lần 2**)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày **23-9-2021**, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Khánh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu khoảng một năm và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định ngày 21-01-1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, anh D không tu chí làm ăn dẫn đến kinh tế vợ chồng khó khăn từ đó giữa chị và anh D thường xảy ra xô xát, cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên chị L có nguyện vọng xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng có một con chung là Trần Thu H, sinh ngày 08-6-1994, giới tính Nữ. Hiện tại con chung đang đã trưởng thành tự lập và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị L xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Trần Khánh D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng đã không đến Tòa án để viết tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa nên anh D không có quan điểm để giải quyết vụ án.

3. Tại biên bản thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 26-10-2021 tại tổ dân phố số 9 phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xác nhận: Chị L và anh D chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống vợ chồng không hợp, kinh tế vợ chồng khó khăn. Vợ chồng chị L và anh D đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Về con chung: Vợ chồng chị L và anh D có một con chung là Trần Thu H, sinh ngày 08-6-1994, giới tính Nữ đã trưởng thành tự lập.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án đã không cung cấp bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, 02 lần vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Như vậy bị đơn đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị

L và anh D. Về con chung: Chị L và anh D có 01 con chung Trần Thu H, sinh ngày 08-6-1994, giới tính Nữ đã trưởng thành tự lập nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và vay nợ chung: chị L không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Khánh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nên hôn nhân giữa chị L và anh D là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn chị L và anh D sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống của chị L và anh D không hợp, anh D không tu chí làm ăn dẫn đến kinh tế vợ chồng khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi vã và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm giữa chị và anh D không còn và có nguyện vọng được ly hôn với anh D. Đối với anh D, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để viết bản tự khai và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh D không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị L và anh D theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi con: Chị L và anh D có 01 con chung Trần Thu H, sinh ngày 08-6-1994, giới tính Nữ đã trưởng thành tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Khánh D.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị L đã nộp tại biên lai số 0005009 ngày 12-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.
3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Khánh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường C, thành phố Nam Định
(*Đăng ký kết hôn ngày 21-01-1994*);
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THA dân sự thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Lương Thị Kim Huế

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Kim Huế

